

“Bani” trong ngữ nghĩa Ả Rập và sự hiểu sai trong định danh tôn giáo của người Cham

Thuật ngữ “Bani” có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập بني (banī), mang nghĩa “con cháu”, “dòng tộc”, “cộng đồng” hoặc “những người theo”. Trong xã hội Cham, “Bani” vốn được dùng để chỉ cộng đồng tín đồ Islam, đặc biệt là nhóm Awal, chứ không phải tên của một tôn giáo riêng biệt. Tuy nhiên, do quá trình biến đổi nhận thức xã hội và sự phân biệt giữa Islam cũ với Islam mới từ thế kỷ XX, “Bani” dần bị hiểu sai thành tên của một tôn giáo độc lập. Thực tế, danh xưng tôn giáo truyền thống và có cơ sở lịch sử tại Panduranga là Agama Awal và Agama Ahier.

TS. PUTRA PODAM
Email: putrapodam@gmail.com

1. Dẫn nhập

Trong những năm gần đây, tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, cộng đồng người Cham đã xuất hiện một cuộc tranh luận đáng chú ý liên quan đến đề xuất công nhận “tôn giáo Bani” như một tôn giáo độc lập. Vấn đề này không chỉ dừng lại ở khía cạnh hành chính hay pháp lý mà còn phản ánh những bất cập sâu sắc trong nhận thức về lịch sử tôn giáo, ngôn ngữ học và hệ thống định danh của chính cộng đồng.

Theo danh mục tôn giáo chính thức của Nhà nước Việt Nam, người Cham theo Islam thuộc nhóm Hồi giáo. Tuy nhiên, ở một số thời điểm tại cấp địa phương, đặc biệt tại Ninh Thuận và Bình Thuận, từng xuất hiện thực tiễn hành chính ghi nhận “Bani” như một mục tôn giáo trên giấy tờ tùy thân dựa trên khai báo cá nhân. Sự thiếu thống nhất này, cùng với việc không chuẩn hóa thuật ngữ, đã hình thành và củng cố nhận thức sai lệch rằng “Bani” là một tôn giáo.

Từ góc độ học thuật, hiện tượng này đặt ra yêu cầu cần phân biệt rõ giữa thuật ngữ xã hội, ngôn ngữ và danh xưng tôn giáo chính danh. Nhiều thuật ngữ trong cộng đồng Cham có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập nhưng đã trải qua quá trình biến đổi ngữ nghĩa dưới ảnh hưởng của văn hóa bản địa. Nếu không được phân tích trong bối cảnh lịch sử và ngôn ngữ cụ thể, những thuật ngữ này rất dễ bị hiểu sai hoặc tái diễn giải lệch hướng so với bản chất ban đầu.

Các công trình nghiên cứu kinh điển của các học giả Đông phương học như Étienne Aymonier (1891), Antoine Cabaton (1901) và R. P. Durrand (1903) đều nhất quán khi phân loại tôn giáo tại Champa thành hai hệ chính là Brahmanism (Balamon) và Islam (Hồi giáo). Trong các nghiên cứu này, thuật ngữ “Bani” không được xác định như một tôn giáo mà được dùng để chỉ tín đồ theo đạo, tức cách gọi của cộng đồng Cham trong bối cảnh Hồi giáo tại Champa.

Do đó, việc làm rõ ý nghĩa của thuật ngữ “Bani” không chỉ mang giá trị học thuật mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc chuẩn hóa nhận thức, hạn chế những ngộ nhận kéo dài và góp phần định vị chính xác bản sắc tôn giáo của cộng đồng Cham trong bối cảnh hiện đại.

Nghiên cứu này tiếp cận vấn đề theo ba hướng chính. Thứ nhất là phân tích ngữ nguyên của thuật ngữ “Bani” trong tiếng Ả Rập. Thứ hai là đối chiếu với các tư liệu của các học giả Đông phương học về Champa. Thứ ba là khảo sát cách sử dụng thuật ngữ này trong thực hành tôn giáo và đời sống ngôn ngữ của người Cham.



Hình 1. Katip Nguyen (*كاتب*), giáo sĩ (Acar) thuộc hệ phái Agama Awal (Hồi giáo sơ kỳ, Hồi giáo Champa) tại Magik (Masjid) Dik, Bình Thuận-Lâm Đồng. Ảnh: Putra Podam.

2. Ngữ nguyên và sử dụng thuật ngữ “Bani” trong tiếng Ả Rập và cộng đồng Cham

Thuật ngữ “Bani” (بنى) trong tiếng Ả Rập xuất phát từ căn tố BNY (banā), một gốc từ cơ bản trong hệ ngôn ngữ Semitic như Ả Rập, Hebrew và Aramaic. Gốc từ này ban đầu mang nghĩa “xây dựng”, “dựng nên”, sau đó mở rộng sang các ý nghĩa liên quan đến “con cháu”, “hậu duệ”, “dòng dõi” và “dòng tộc”. Về mặt ngữ pháp, “Bani” là dạng số nhiều của danh từ “ibn” hoặc “bin” (ابن / بن), nghĩa là “con trai”, “người con trai của” hoặc “con trai thuộc về” thường xuất hiện trong cấu trúc idāfa (sở hữu) để chỉ quan hệ huyết thống hoặc cộng đồng có chung nguồn gốc.

Trong tiếng Ả Rập có các cụm như “**Bani Israel**”, nghĩa là “con cháu của Israel”, chỉ dân tộc Do Thái trong Thiên kinh Koran; “**Bani Hashim**”, nghĩa là “dòng tộc Hashim”, tức gia tộc của Prophet Muhammad; và “**Bani Umayya**”, chỉ dòng tộc Umayya hay triều đại Umayyad. Những ví dụ này cho thấy “Bani” mang nghĩa danh xưng xã hội, huyết thống và bộ tộc hay tín đồ thờ Thiên Chúa (Allah), chứ không phải thuật ngữ tôn giáo. Đây là cách gọi phổ biến trong xã hội Ả Rập tiền Hồi giáo cũng như trong thời kỳ Hồi giáo.

Từ góc độ học thuật, cần phân biệt rõ “Bani” với các khái niệm tôn giáo khác trong tiếng Ả Rập như “đin” (دين), nghĩa là tôn giáo hay đức tin, và “islām” (إسلام), là tên riêng của tôn giáo Hồi giáo. *“Bani” chưa bao giờ xuất hiện trong hệ thống khái niệm thần học Hồi giáo như một danh xưng tôn giáo.* Nhận định này được củng cố bởi các nghiên cứu Đông phương học đầu thế kỷ XX. Nhà nghiên cứu R. P. Durrand (1903) ghi nhận rằng “Bani” là dạng phiên âm của “Beni”, nghĩa là “những người con của...”, được dùng để chỉ cộng đồng có chung nguồn gốc hoặc niềm tin, không phải một hệ thống giáo lý hay tôn giáo riêng biệt.

Trong quá trình lan truyền Islam ra ngoài bán đảo Ả Rập, đặc biệt tại Đông Nam Á, thuật ngữ “**Bani**” tiếp tục được sử dụng với nghĩa mở rộng để chỉ cộng đồng tín đồ, nhóm người chia sẻ niềm tin, hay những người “**có đạo**” theo nghĩa chung. Tuy nhiên, bản chất của thuật ngữ vẫn không thay đổi: đây là danh từ chỉ cộng đồng mang tính xã hội, huyết thống và tín ngưỡng, chứ không phải thuật ngữ định danh tôn giáo.

Đối với cộng đồng Cham Nam Trung Bộ, việc tiếp nhận thuật ngữ “Bani” không đồng nghĩa với tên gọi đạo Bani. Trong văn hóa và thực hành của người Cham, thuật ngữ này được hiểu là biểu hiện cho những người theo niềm tin, thường liên quan đến việc học chữ Ả Rập và thực hành Qur’an (Koran). Các nghiên cứu nhân học và tín ngưỡng học hiện đại cho thấy Cham Bani tồn tại như một thể văn hóa tín ngưỡng cụ thể, mang tính địa phương hóa sâu sắc trong nghi lễ, đời sống thực hành và diễn ngôn. Thuật ngữ “Bani” trong cộng đồng Cham phản ánh sự hòa giải giữa thuật ngữ gốc Ả Rập với thực tiễn xã hội, tín ngưỡng địa phương, chứ không phải tên gọi của một hệ thống giáo lý.

Trong cách sử dụng mở rộng tại cộng đồng Cham và Đông Nam Á, “Bani” đôi khi mang nghĩa gần với “**tín đồ**” hoặc “**người có đạo**”. Theo cách hiểu này, “Bani” có thể dùng để chỉ những người theo đạo thờ Thượng đế Allah, đặc biệt là các cộng đồng Islam bản địa. Một số cụm từ thường gặp gồm “**Bani Adam**”, “**Bani Nabi**”, “**Bani Ibrahim**” hay “**Bani Muhammad**”, đều mang nghĩa chỉ những cộng đồng tín đồ gắn với một nhân vật hoặc nguồn gốc tôn giáo cụ thể. Trong bối cảnh Đông Nam Á, các cụm từ như “**Bani Java**” được dùng để chỉ người Java theo Hồi giáo, trong khi “**Cham Bani**” hay “**Bani Cham**” dùng để chỉ người Cham theo Awal hoặc Islam.

Theo ghi nhận của Étienne Aymonier và Antoine Cabaton, “Bani” hoặc “Beni” trong tiếng Ả Rập có nghĩa là “con cháu”, “hậu duệ” hoặc “những người con của”. Trong nhiều trường hợp, thuật ngữ này được dùng để chỉ cộng đồng Hồi giáo theo nghĩa rộng, nhưng vẫn không mang nội hàm của một tôn giáo riêng biệt.

Trong Qur'an (Koran), thuật ngữ “Bani” xuất hiện nhiều lần để chỉ các cộng đồng hoặc sắc dân cụ thể. Nổi bật cụm từ “Ya Bani Israel” (يَا بَنِي إِسْرَائِيلَ), nghĩa là “Hỡi con cháu Israel” hoặc “Hỡi sắc dân Israel”, xuất hiện trong *Surah Al-Baqarah, câu 40*. Điều này cho thấy “Bani” là thuật ngữ chỉ sắc dân, dòng tộc hoặc cộng đồng tín ngưỡng, chứ không phải tên gọi của một tôn giáo.



Hình 2. Cụm từ “Ya Bani Israel” (يَا بَنِي إِسْرَائِيلَ), nghĩa là “Hỡi con cháu Israel” hoặc “Hỡi hậu duệ Israel”, xuất hiện trong Surah Al-Baqarah, câu 40, Thiên kinh Koran. Ảnh: Putra Podam.

Từ tổng hợp các phân tích ngôn ngữ học, lịch sử và nhân học, có thể khẳng định rằng “Bani” không phải là tên của một tôn giáo trong tiếng Ả Rập, không xuất hiện trong hệ thống khái niệm thần học Hồi giáo và không được sử dụng như danh xưng tôn giáo trong bất kỳ truyền thống Islam nào. Trong cộng đồng Cham, “Bani” biểu thị nhóm người theo niềm tin hoặc đức tin, được địa phương hóa nhưng vẫn giữ nguyên bản chất gốc là một danh từ xã hội, huyết thống và tín ngưỡng, chứ không phải danh xưng tôn giáo.

Do đó, việc hiểu “Bani” như một tôn giáo riêng biệt là sai lệch cả về ngữ nguyên học lẫn thực tiễn lịch sử, văn hóa, và cần được tiếp cận lại trong các nghiên cứu về Cham, Islam học và ngôn ngữ học theo phương pháp học thuật nghiêm ngặt.

3. “Bani” trong bối cảnh Hồi giáo và Đông Nam Á

Quá trình lan tỏa của Hồi giáo từ bán đảo Ả Rập sang Đông Nam Á từ khoảng thế kỷ X, đặc biệt mạnh từ thế kỷ XIII đến XVI, không chỉ là sự truyền bá tôn giáo mà còn kéo theo sự chuyển dịch của hệ thống thuật ngữ Ả Rập vào các ngôn ngữ bản địa. Trong quá trình này, nhiều khái niệm được tiếp nhận, biến đổi và tái ngữ nghĩa hóa để phù hợp với bối cảnh văn hóa và xã hội địa phương. Thuật ngữ “Bani” là một trường hợp tiêu biểu của hiện tượng đó.

Tại các khu vực như Malaysia, Indonesia và Champa, Hồi giáo không được tiếp nhận một cách thuần nhất mà trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Các nghiên cứu về Hồi giáo Đông Nam Á, tiêu biểu như công trình của Rie Nakamura (2009), cho thấy các cộng đồng Hồi giáo bản địa thường duy trì một hệ thống thuật ngữ lai ghép giữa tiếng Ả Rập và ngôn ngữ địa phương. Trong hệ thống này, ý nghĩa gốc của từ ngữ được bảo lưu, nhưng đồng thời cũng được mở rộng theo thực tiễn xã hội.

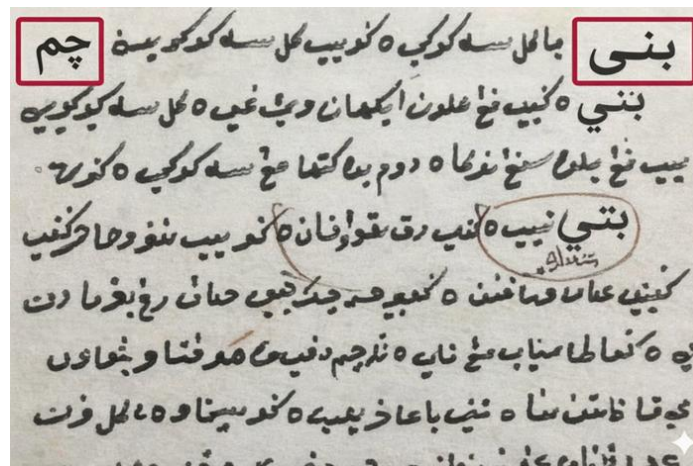
Trong bối cảnh đó, thuật ngữ “Bani” không còn chỉ giới hạn ở nghĩa “dòng tộc” như trong tiếng Ả Rập cổ điển, mà được sử dụng với nhiều lớp nghĩa mở rộng. Trước hết, “Bani” có thể dùng để chỉ cộng đồng người theo Hồi giáo trong một không gian xã hội cụ thể. Đồng thời, từ này cũng được dùng để chỉ những người có đức tin vào Allah, tức các tín đồ Hồi giáo. Trong một số trường hợp, “Bani” còn mang nghĩa những người mới gia nhập cộng đồng tôn giáo, nhấn mạnh yếu tố chuyển đổi niềm tin. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng sự mở rộng ngữ nghĩa này mang tính xã hội và dân tộc học, chứ không phải sự hình thành của một khái niệm thần học mới.

Trong xã hội Cham, việc sử dụng thuật ngữ “Bani” theo nghĩa mở rộng này khá phổ biến và mang tính hệ thống. Các tổ hợp từ như:

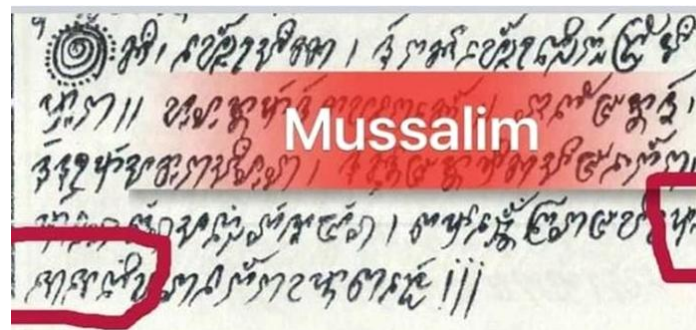
- **Bani Cham**: để chỉ người Cham theo Hồi giáo,
- **Bani Jawa**: để chỉ người Java theo Hồi giáo, hay
- **Anak Bani** (Cham nói: **núr nì**): với nghĩa “**những đứa con của tín đồ**”, chỉ người sinh ra trong cộng đồng Hồi giáo, đều phản ánh rõ chức năng của “Bani” như một chỉ dấu tôn giáo.



Hình 3. Tác phẩm *Ariya Sah Kukei* chữ Jawi xưa của người Cham Châu Đốc (Cham Islam vùng Nam Bộ) tự gọi là “**چم بني**” (**Cam Bani**) nghĩa là Cham theo đạo, hay tín đồ Cham theo Hồi giáo. Ảnh: Suru tâm.



Hình 4. Giải thích hai từ đánh dấu đỏ ở Hình 3, trong tác phẩm *Ariya Sah Kukei* chữ Jawi xưa của người Cham Châu Đốc (Cham vùng Nam Bộ) tự gọi là “**چم بني**” (**Cam Bani**) nghĩa là Cham theo đạo, hay tín đồ Cham theo Hồi giáo. Ảnh: Putra Podam.



Hình 5. Akhar Thrah Cham dùng từ “**موسلمون**” (**Mussalim** - Muslim) để chỉ “Cam Bani”, những người theo Islam (Hồi giáo). Ảnh: Suru tâm.

Hiện tượng này tương đồng với cách sử dụng trong thế giới Ả Rập. Tuy nhiên, trong bối cảnh Đông Nam Á, yếu tố niềm tin tôn giáo ngày càng trở nên nổi bật, khiến “Bani” mang sắc thái gần với khái niệm “tín đồ”. Dù vậy, về bản chất ngôn ngữ học, thuật ngữ này không thay thế các khái niệm chính thống như “Muslim” hay “Islam”.

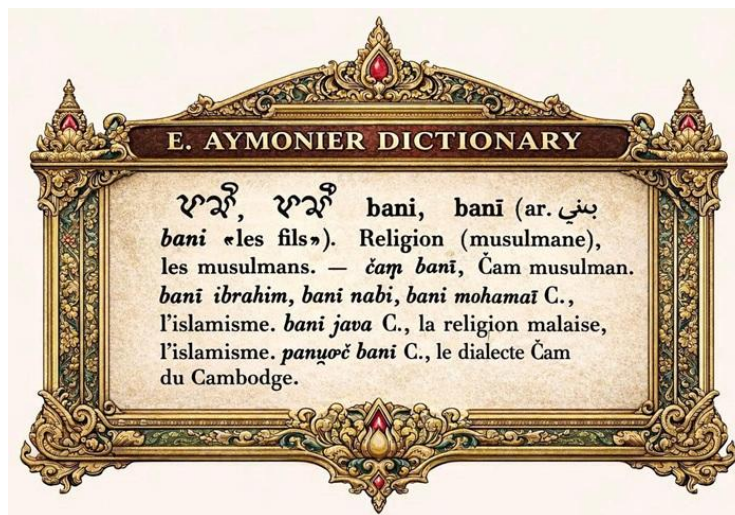
Bên cạnh đó, các dạng từ liên quan như “Bin” (بن) trong tên gọi, ví dụ “Muhammad bin Abdullah”, cũng thuộc cùng hệ ngữ nghĩa với “Bani”, đều mang nghĩa “con của”. Điều này cho thấy một cấu trúc tư duy nhất quán trong tiếng Ả Rập, trong đó quan hệ huyết thống và cộng đồng được biểu đạt thông qua cùng một hệ thống từ vựng.

Từ góc độ dân tộc học và lịch sử tôn giáo, việc người Cham sử dụng “Bani” để chỉ cộng đồng Hồi giáo của mình trong quá trình tiếp nhận Islam, trong đó các thuật ngữ Ả Rập được tích hợp vào hệ thống văn hóa bản địa mà không làm thay đổi bản chất tôn giáo cốt lõi. Nhận định này phù hợp với quan sát của Antoine Cabaton khi ông mô tả cộng đồng Cham theo Hồi giáo như một dạng Hồi giáo Champa.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng trong bối cảnh Đông Nam Á, “Bani” là một thuật ngữ với nghĩa mở rộng, phản ánh cộng đồng tín đồ trong xã hội địa phương. Tuy nhiên, về bản chất, “Bani” vẫn chỉ đóng vai trò chỉ cộng đồng tín đồ, không phải là một hệ thống giáo lý hay một tôn giáo độc lập. Vì vậy, việc diễn giải “Bani” như một tôn giáo riêng biệt là sai lệch, phát sinh từ quá trình biến đổi ngữ nghĩa trong một bối cảnh lịch sử, xã hội cụ thể.

4. Cham Bani trong quan sát của các học giả Pháp

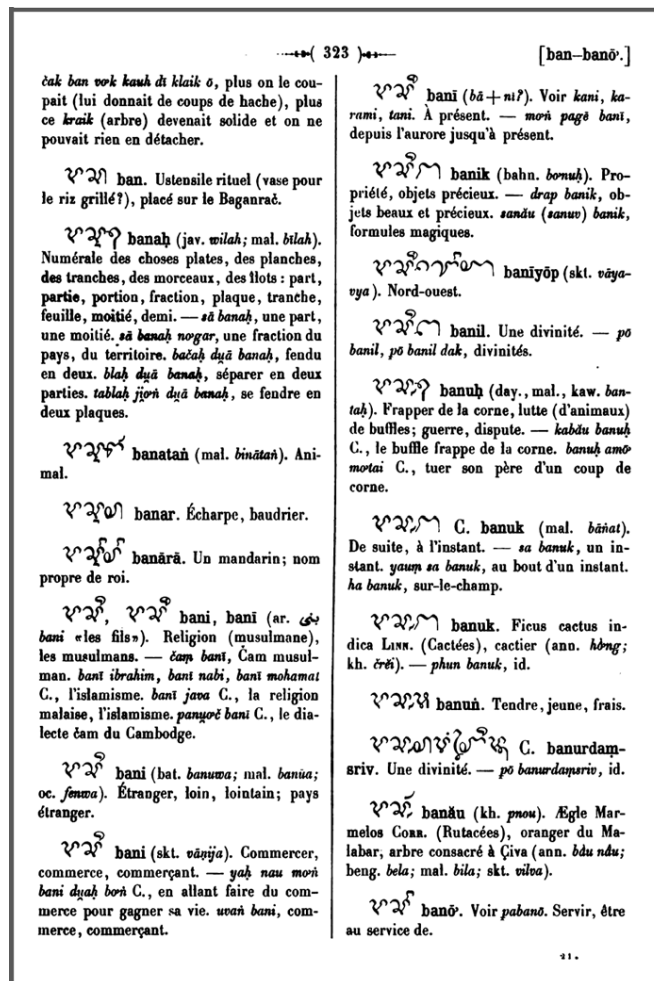
Trong các nghiên cứu Đông phương học cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, các học giả Pháp đều có cách nhìn tương đối thống nhất về vị trí của “Bani” trong đời sống tôn giáo Cham. Trong công trình *“Les Tchames et leurs religions - người Cham và các tôn giáo của họ”* (1891), **Étienne Aymonier** xác định xã hội Cham tồn tại hai hệ tôn giáo chính: **Brahmanism** (Balamon), gắn với truyền thống Ấn Độ giáo, và **Mahometanism** (Islam), chỉ cộng đồng Cham theo Hồi giáo. Theo ông, thuật ngữ “Bani” thực chất vẫn nằm trong phạm vi Mahometanism, chỉ khác biệt về tập quán và cấu trúc xã hội. Cách phân loại này mang tính hệ thống và nhất quán, phản ánh quan điểm học thuật phổ biến của giới Đông phương học Pháp cuối thế kỷ XIX.



Hình 6. Từ “*Bani*” (ហ្គានី, ហ្គានី) và ý nghĩa Bani trong bộ từ điển Cam - Français của E. Aymonier và A. Cabaton. Paris, MDCCCXVI = năm 1906. Trang 323. Ảnh chụp: Putra Podam.



Hình 7. Từ “Bani” (𑜋𑜂𑜫, 𑜋𑜂𑜫) và ý nghĩa Bani trong bộ tự điển Cam - Francais của E. Aymonier và A. Cabaton. Paris, MDCCCXVI = năm 1906. Nội dung trong Hình 6. Được dịch sang tiếng Việt. Ảnh: Putra Podam.



Hình 8. Từ “Bani” (𑜋𑜂𑜫, 𑜋𑜂𑜫) và ý nghĩa Bani (bản chính) trong bộ tự điển Cam - Francais của E. Aymonier và A. Cabaton. Paris, MDCCCXVI = năm 1906. Trang 323. Ảnh chụp: Putra Podam.

Người *Cham Nam Bộ xưa và nay* vẫn sử dụng cụm từ “*Bac akhar Bani*” để ám chỉ việc *học chữ Ả Rập, học Thiên kinh Koran và học các nội dung tôn giáo Islam*. Điều đáng chú ý là họ phân biệt rất rõ cách gọi này, dùng “akhar Bani” thay vì “chữ Ả Rập” hay “akhar Islam”. Điều đó cho thấy “Bani” trong ngôn ngữ Cham không chỉ mang nghĩa “tín đồ” hay “cộng đồng Muslim”, mà còn được mở rộng để chỉ những yếu tố gắn với đời sống Islam như kinh sách, chữ viết và giáo dục tôn giáo.

Từ phân tích nghi lễ “*Ngak khatan tama Bani*” và cách dùng cụm từ “*Bac akhar Bani*” trong bối cảnh Cham, có thể rút ra một số kết luận quan trọng:

- “Bani” được sử dụng như cách gọi cộng đồng tín đồ trong thực hành ngôn ngữ, đặc biệt trong các nghi lễ đánh dấu sự gia nhập đạo.
- “Bani” còn mang nghĩa “đạo”, nhưng không mang nghĩa “đạo Bani”, bởi toàn bộ nội dung nghi lễ, đối tượng thờ phượng và hệ thống tín lý vẫn thuộc về Islam.
- Cụm từ “Bac akhar Bani” cho thấy “Bani” không chỉ được dùng để chỉ cộng đồng tín đồ, mà còn được mở rộng để chỉ các yếu tố gắn với đời sống Islam như chữ viết, kinh sách và giáo dục tôn giáo. Trong cách dùng của người Cham Nam Bộ, “akhar Bani” là cách gọi quen thuộc đối với chữ Ả Rập dùng trong Thiên kinh Koran và nghi lễ, thay vì gọi là “chữ Ả Rập” hay “akhar Islam”.
- Việc người Cham Châu Đốc và cộng đồng Cham Islam Nam Bộ sử dụng cụm từ “Bac akhar Bani” để chỉ việc học chữ Ả Rập và học Thiên kinh Koran cho thấy “Bani” trong ngôn ngữ Cham mang nghĩa gắn với Islam, chứ không phải tên gọi của một tôn giáo độc lập.
- Trong thực hành tôn giáo Cham, “Bani” là biểu hiện xã hội, nhấn mạnh tư cách thành viên trong cộng đồng, chứ không phải phạm trù thần học.
- Việc hiểu sai thuật ngữ này như một danh xưng tôn giáo độc lập phát sinh từ việc tách rời ngôn ngữ khỏi bối cảnh nghi lễ và văn hóa cụ thể.

Thực hành nghi lễ Cham cho thấy “Bani” là cách diễn đạt cộng đồng Cham là tín đồ theo đạo, cụ thể là tín đồ Islam.

6. Danh xưng tôn giáo trong truyền thống Panduranga-Champa

Trong toàn bộ lịch sử và văn hóa Champa, hệ thống danh xưng tôn giáo của người Cham hay thần dân champa được ghi nhận rõ ràng và ổn định. Tại Champa, trước thế kỷ XV tồn tại hai hệ tôn giáo chính: Brahmanism (Balamon), gắn với truyền thống Ấn Độ giáo, và Mahometanism (Islam), chỉ cộng đồng Cham theo Hồi giáo. Sau thế kỷ XV, Hồi giáo tại Panduranga phát triển cực thịnh đặc biệt có quan hệ rất chặt chẽ với Hồi giáo Mã Lai ở Kelantan. Kelantan được xem là một trong những trung tâm truyền bá Islam quan trọng đối với người Cham sau thế kỷ XVI. Vua Po Rome (Nik Mustafa) đầy đủ Nik Mustafa bin Wan Abul Muzaffar Waliyullah, tức hiệu vương quyền của Po Rome: Sultan Abdul Hamid Shah. Po Rome từng sang Kelantan học tập trước khi lên ngôi, tiếp nhận Islam, văn hóa Mã Lai và một số yếu tố nghi lễ tôn giáo ảnh hưởng bản địa.

Sau khi trở về Champa, Po Rome đưa nhiều yếu tố Islam Mã Lai vào đời sống Cham hình thành mô hình Islam đặc trưng tại Panduranga. Trong giai đoạn này, các giáo sĩ, thương nhân và quan hệ hôn nhân giữa Champa với Kelantan cũng góp phần tạo nên một mạng lưới Islam biển kết nối Champa với thế giới Mã Lai rộng lớn hơn.

Dựa trên tư liệu văn khắc, nghiên cứu dân tộc học và ghi chép của các học giả Đông phương học, cộng đồng Cham tại Panduranga hình thành hai hệ phái chính, phản ánh quá trình phát triển tôn giáo trong bối cảnh xã hội Cham:

1. **Agama Awal** (ආභෘත ආභෘත): thường được gọi là “**Hồi giáo sơ kỳ**” hoặc “**Hồi giáo giai đoạn đầu**”. Đây là hình thái *Islam chưa hoàn toàn chuẩn hóa, tương tự các cộng đồng Islam sớm ở Đông Nam Á như Patani hay Kelantan*. Hệ phái này nhấn mạnh tính độc thần, thờ phượng Allah duy nhất, đồng thời tổ chức đời sống tôn giáo dựa trên nghi lễ, truyền thống địa phương bao gồm việc truyền khẩu thiên kinh Koran. Giáo sĩ Acar trực tiếp thực hiện nghi lễ tại thánh đường, đặc biệt trong tháng Ramadan (Ramawan).

2. **Agama Ahier** (ආභෘත ආභෘත): thường được gọi là “**Hồi giáo muộn**”. Hệ phái này thể hiện mức độ tiếp biến cao hơn với văn hóa bản địa, chịu ảnh hưởng từ Hinduism và các tập tục truyền thống Cham. Mặc dù vẫn **thừa nhận Allah là đáng tối cao**, hệ thống này *đồng thời duy trì việc tôn kính các thần linh, anh hùng và biểu tượng văn hóa Champa*.

Mối quan hệ giữa Awal (ආභෘත) và **Ahier** (ආභෘත):

Một số cách diễn giải trước đây cho rằng Awal và Ahier là hai hệ thống “dung hợp” lẫn nhau. Trong đó Awal thờ thần linh Ahier và ngược lại Ahier thờ thần linh Awal. Tuy nhiên, cách hiểu này không chính xác. Tại Panduranga, cả Agama Awal và Agama Ahier đều tôn thờ Allah là đáng tối cao, nhưng mỗi bên đảm nhiệm những vai trò khác nhau trong đời sống tôn giáo.

Sự phân công chức năng thể hiện rõ qua vai trò của giáo sĩ Acar. Trong các nghi lễ mang tính cầu nguyện hướng đến Allah (như cầu sức khỏe, cầu an, nghi lễ Rija...), tín đồ Ahier thường mời Acar của Agama Awal thực hiện. Ngược lại, Acar không tham gia các nghi lễ thờ thần linh Champa; khi đến đền tháp Champa thì Acar chỉ đứng ở bên ngoài, không thực hành nghi lễ Hinduism. Trong khi đó, tín đồ Ahier vẫn có thể tham gia cầu nguyện tại thánh đường Awal, đặc biệt trong tháng Ramadan (Ramawan).

Do vậy, Agama Awal không phải là một hệ thống “dung hợp” với Agama Ahier theo nghĩa tín ngưỡng hỗn hợp, mà là một hình thái Islam giữ vai trò trung tâm trong các nghi lễ hướng đến Allah. Hai hệ phái cùng tồn tại trong một cấu trúc tôn giáo chung, phản ánh các cấp độ phát triển và thích ứng khác nhau của Islam trong xã hội Champa.

Ngược lại, thuật ngữ “Bani” không xuất hiện trong hệ thống danh xưng tôn giáo truyền thống của Panduranga-Champa. Không tồn tại thuật ngữ “Agama Bani” trong lịch sử và tôn giáo tại Champa, cũng không có “tôn giáo Bani” trong các văn bản, nghi lễ hay ghi chép học thuật. Thay vào đó, “Bani” chỉ xuất hiện trong bối cảnh xã hội, nghi lễ, nội bộ cộng đồng sau này, với các chức năng sau:

- Danh xưng xã hội: dùng để chỉ một nhóm người có cùng thực hành tôn giáo.
- Cách gọi của tín đồ: “Ngak khatan tama Bani” thực hiện nghi lễ cắt bao quy đầu để gia nhập cộng đồng tín đồ.
- Cộng đồng người theo Islam: nhấn mạnh yếu tố Hồi giáo Champa trong đời sống Cham.

Bani không phải tên tôn giáo, mà chỉ cộng đồng theo tôn giáo mới để phân biệt nhóm tín đồ Cham theo Islam với các nhóm khác, tương tự như cách người Việt dùng thuật ngữ “xóm đạo” để chỉ khu dân cư theo Công giáo mà không đồng nghĩa với việc hình thành tôn giáo mới.

Có thể rút ra các kết luận then chốt:

- Danh xưng “Agama Awal” phản ánh đúng bản chất tôn giáo Cham theo Islam.
- Mọi cách hiểu “Bani” như tên tôn giáo là sai lầm về ngôn ngữ và lịch sử tôn giáo tại Champa.
- “Bani” chỉ là nhãn hiệu tín đồ Islam tại Champa, không có giá trị phân loại tôn giáo học thuật.

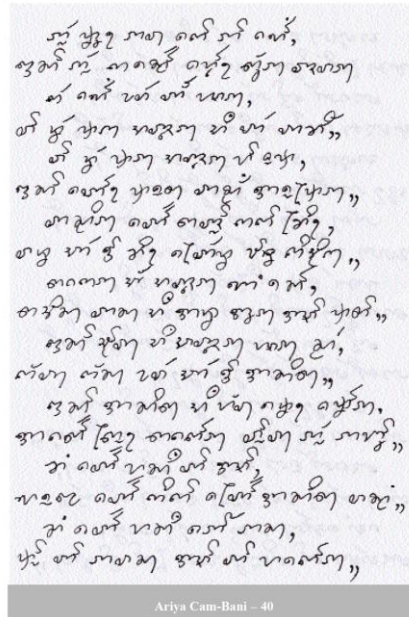
Nhận định này có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hiện nay, khi một số cộng đồng Cham tại Ninh Thuận, Bình Thuận và các khu vực khác vẫn hiểu sai thuật ngữ “Bani”, từ đó phát sinh yêu cầu công nhận “tôn giáo Bani” mà không có cơ sở lịch sử hay học thuật.



Hình 9. Thiếu nữ Cham Ahier (Cham chịu ảnh hưởng văn hóa bản địa và văn hóa Ấn Độ), chàng trai Cham Awal (Cham Islam - Hồi giáo sơ khai, còn ảnh hưởng văn hóa bản địa Champa). Cham Awal và Cham Ahier đều cùng tôn thờ Po Allah là đấng tối cao. Ảnh: Putra Podam.



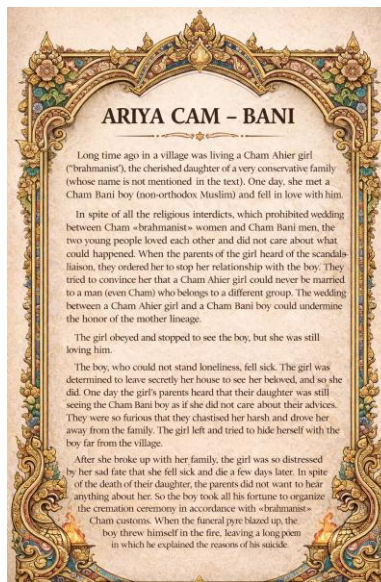
Hình 10. Tác phẩm Ariya Cam - Bani (Poem: Cam and Bani), hiện được lưu trữ tại École Française d'Extrême-Orient, là một bản trường ca bi kịch nổi tiếng của người Cham, được viết bằng chữ Cham cổ (Akhar Thrah) trên lá buông hoặc giấy bản. Tác phẩm được cho là ra đời sau thời đại Po Rome (Nik Mustafa), vào khoảng thế kỷ 18-19, kể về câu chuyện tình bi thương giữa chàng trai Bani (Muslim) và cô gái Cham Ahier. Tác phẩm mang số hiệu No. 22, do Po Dharma chủ biên, xuất bản bởi Department of Museums and Antiquities Malaysia phối hợp với École Française d'Extrême-Orient tại Kuala Lumpur năm 2003.



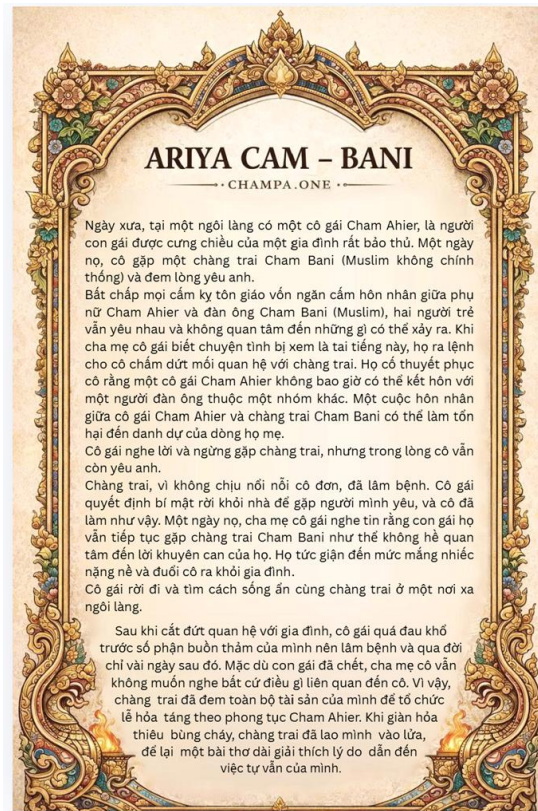
Bốn câu cuối trong văn bản trên:

"Cam saong Bani sa aia,
sa-ai saong gila, praong anit ra-nam,,
Cam saong Bani ké kan,
mu sa karan, aia sa balaok,, "

Hình 11. Tác phẩm Ariya Cam - Bani (bản akhar Thrah), hiện được lưu trữ tại École Française d'Extrême-Orient. Tác phẩm được cho là ra đời sau thời đại Po Rome (Nik Mustafa) vào khoảng thế kỷ 18-19, kể về câu chuyện tình bi thương giữa chàng trai Bani (Muslim) và cô gái Cham Ahier. Tác phẩm mang số hiệu No. 22, do Po Dharma chủ biên, xuất bản bởi Department of Museums and Antiquities Malaysia phối hợp với École Française d'Extrême-Orient tại Kuala Lumpur năm 2003.



Hình 12. Tác phẩm Ariya Cam - Bani (summary Cam and Bani) được in trong tác phẩm mang số hiệu No. 22, do PGS.TS. Po Dharma chủ biên, xuất bản bởi Department of Museums and Antiquities Malaysia phối hợp với École Française d'Extrême-Orient tại Kuala Lumpur năm 2003.



Hình 13. Tác phẩm *Ariya Cam - Bani* (phần tóm tắt) được in trong tác phẩm mang số hiệu No. 22, do PGS.TS. Po Dharma chủ biên, xuất bản bởi Department of Museums and Antiquities Malaysia phối hợp với École Française d'Extrême-Orient tại Kuala Lumpur năm 2003.

7. Nguyên nhân của sự hiểu lầm “đạo Bani”

Sự hiểu sai về “đạo Bani” là một hiện tượng mang tính lịch sử và xã hội, chủ yếu xuất hiện từ thế kỷ XX, đặc biệt sau năm 1963, gắn liền với những biến động trong đời sống tôn giáo của người Cham tại Panduranga, nay thuộc hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Trước đó, trong các ghi nhận của học giả Pháp như Étienne Aymonier, Antoine Cabaton hay R. P. Durrand, không tồn tại khái niệm “đạo Bani”. Thuật ngữ “Bani” chỉ được dùng như tên gọi cộng đồng hoặc thuật ngữ liên quan đến người Cham theo Islam.

Trước năm 1963, người Cham tại Ninh Thuận và Bình Thuận thường gọi người Cham Nam Bộ là “người Jawa”, tức những người theo Islam chính thống. Đồng thời, họ cũng tự nhận mình là “người Bani”, nhằm chỉ cộng đồng theo hệ phái Awal (Agama Awal) với hệ thống giáo sĩ Acar và truyền thống Islam Champa bản địa. Trong giai đoạn này, cả hai bên đều hiểu rằng mình cùng thuộc Islam, chỉ khác nhau về lịch sử hình thành, mức độ ảnh hưởng bản địa và tổ chức nghi lễ.

Sau năm 1963, Islam chính thống từ Sài Gòn và Nam Bộ bắt đầu được truyền mạnh vào cộng đồng Cham tỉnh Ninh Thuận thông qua mối quan hệ với các nhân vật như Mã Thanh Lâm, Từ Công Xuân và cộng đồng Cham Islam tại Châu Đốc. Từ đây xuất hiện hai xu hướng tôn giáo song song trong cộng đồng Cham tại Phan Rang. Một bên là nhóm tiếp tục duy trì Islam Awal truyền thống, với hệ thống giáo sĩ Acar, nghi lễ ảnh hưởng bản địa và cơ cấu xã hội riêng. Bên còn lại là nhóm tiếp nhận Islam chính thống theo mô hình Sunni toàn cầu, với giáo lý, thực hành tôn giáo và tổ chức cộng đồng gần với thế giới Muslim quốc tế hơn.

Trong đời sống hằng ngày, người Cham bắt đầu sử dụng cách gọi “**Hồi giáo cũ**” và “**Hồi giáo mới**”. “Hồi giáo cũ” là những người tiếp tục giữ truyền thống Awal, còn “Hồi giáo mới” là những người tiếp nhận Islam chính thống. Tuy nhiên, bản thân người Cham đều hiểu rằng “Hồi giáo mới” không phải là một tôn giáo mới hoàn toàn khác với Agama Awal, mà chỉ là một xu hướng hiện đại loại bỏ yếu tố thần linh và quay về mô hình Islam hoàn thiện hơn. Vì vậy, *cả hai nhóm đều tự xem mình là Hồi giáo; các từ “cũ” và “mới” chỉ nhằm phân biệt sự khác nhau về nghi lễ, giáo sĩ và tổ chức xã hội.*

Một thời gian sau, *nhóm theo Islam chính thống dần chọn danh xưng quốc tế “Islam” để nhấn mạnh sự liên kết với cộng đồng Muslim toàn cầu.* Từ đó hình thành cách gọi “Cham Islam” để chỉ người Cham theo Islam chính thống (Hồi giáo hiện đại) và “*Cham Bani*” để chỉ người Cham theo Awal (Hồi giáo sơ kỳ). Sự phân biệt mang tính xã hội khiến nhiều người ngoài cộng đồng hiểu lầm rằng “Bani” là tên của một tôn giáo riêng biệt, đối lập với Islam. Thực chất, *đây chỉ là sự phân biệt giữa Islam Awal và Islam chính thống*, chứ không phải giữa hai tôn giáo khác nhau.

Về sau, một bộ phận người Cham Awal (Cham Phan Rang) cũng dần tự nhận mình là “đạo Bani”, khiến từ “Bani” ngày càng được mặc định như tên của một tôn giáo. Tuy nhiên, đây là kết quả của quá trình xã hội hóa danh xưng, chứ không phản ánh bản chất lịch sử ban đầu của thuật ngữ này. Đồng thời, việc cơ quan nhà nước ghi “tôn giáo: Bani” trong giấy tờ hành chính của Chứng minh nhân dân cũng góp phần củng cố cách hiểu này trong xã hội. Khi “Bani” được thể hiện như một mục tôn giáo độc lập trên giấy tờ chính thức, nhiều người mặc nhiên cho rằng đây là một tôn giáo riêng biệt, tách khỏi Islam. Trên thực tế, cách ghi này chủ yếu nhằm phân biệt cộng đồng Cham Awal với Cham Islam chính thống trong quản lý hành chính, chứ không phải sự công nhận về mặt thần học hay lịch sử rằng “Bani” là một tôn giáo độc lập.

Điều đáng chú ý là ngay trong ngôn ngữ và nghi lễ Cham, từ “Bani” vẫn tiếp tục được sử dụng với nghĩa rộng liên quan đến Islam, tín đồ và việc thờ phượng Allah. Trong nghi lễ cắt bao quy đầu của cả Cham Awal tại Ninh Thuận, Bình Thuận và Cham Islam chính thống tại Nam Bộ vẫn tồn tại cụm “Ngak khatan tama Bani”, nghĩa là thực hiện nghi lễ cắt bao quy đầu để nhập đạo. Tương tự, cả giáo sĩ Awal ở Panduranga và Cham Islam tại Nam Bộ đều dùng cụm “Bac akhar Bani” để chỉ việc học thiên kinh Qur’an. Điều này cho thấy “Bani” vốn là một thuật ngữ tôn giáo - xã hội mang nghĩa “người theo đạo Allah”, “người Muslim” hoặc “người thuộc cộng đồng Islam”, chứ không phải tên gọi của một tôn giáo riêng.

Vì vậy, khái niệm “đạo Bani” thực chất là kết quả của quá trình phân biệt xã hội giữa hai nhóm Cham theo Islam trong giai đoạn hiện đại. Khi sự khác biệt về nghi lễ, trang phục, giáo sĩ và mức độ gắn bó với Islam toàn cầu ngày càng rõ rệt, người ngoài cộng đồng dần hiểu lầm rằng “Bani” là một tôn giáo riêng. Tuy nhiên, xét từ ngữ nguyên, lịch sử và thực hành tôn giáo, “Bani” chưa bao giờ là tên của một tôn giáo độc lập, mà chỉ là cách gọi cộng đồng Cham theo Islam Awal hoặc người theo Allah trong bối cảnh Champa.

8. Kết luận

Qua tổng hợp các dữ liệu ngữ nguyên học, tư liệu của các học giả Đông phương, thực hành nghi lễ và lịch sử cộng đồng Cham, có thể rút ra một số kết luận chính như sau:

1. “Bani” là thuật ngữ xã hội, ngôn ngữ, không phải tên của một tôn giáo

Thuật ngữ “Bani” có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập بني (banī), mang nghĩa “con cháu”, “dòng tộc”, “cộng đồng” hoặc “những người theo”. Cách hiểu này phù hợp với ghi nhận của R. P. Durrand đầu thế kỷ XX.

Trong xã hội Cham, “Bani” được dùng để chỉ những người theo Islam, đặc biệt là cộng đồng Awal, và xuất hiện trong các nghi lễ truyền thống như khitan, tiêu biểu qua câu “Ngak khatan tama Bani”.

Không có bằng chứng cho thấy từng tồn tại một tôn giáo mang tên “Bani” trong lịch sử Champa, trong hệ thống Islam toàn cầu, hay trong các công trình nghiên cứu của Étienne Aymonier và Antoine Cabaton.

2. Quan niệm về “đạo Bani” là một hiện tượng hình thành muộn trong lịch sử xã hội

Cách gọi “đạo Bani” chủ yếu xuất hiện từ thế kỷ XX, đặc biệt sau năm 1963, khi Islam chính thống được du nhập trở lại vào cộng đồng Cham tại Panduranga.

Quá trình phân biệt giữa Islam mới và Islam cũ, cùng với sự bản địa hóa về nghi lễ, ngôn ngữ và nhận thức xã hội, đã khiến thuật ngữ “Bani” dần bị tái diễn giải như tên của một tôn giáo.

Tuy nhiên, đây là kết quả của quá trình xã hội hóa danh xưng, không phản ánh đúng bản chất lịch sử ban đầu của thuật ngữ này và không có cơ sở vững chắc về mặt học thuật.

3. Danh xưng tôn giáo chính xác của người Cham theo truyền thống

- **Agama Awal:** là danh xưng để chỉ hệ thống Islam (Hồi giáo sơ kỳ tại Champa), được duy trì bởi cộng đồng Awal và hệ thống giáo sĩ Acar, với nền tảng tín lý gắn với Islam nhưng thiếu nhiều trong môi trường văn hóa Cham, cụ thể vẫn sử dụng Thiên kinh Koran viết tay và truyền nhau từ thầy sang trò.

- **Agama Ahier:** là danh xưng dành cho hệ thống tôn giáo của cộng đồng Ahier (cộng đồng Cham theo Hồi giáo muộn), trong đó Allah vẫn được nhìn nhận là đáng tối cao, song nghi lễ, thần linh và cơ cấu giáo sĩ vẫn còn ảnh hưởng tín ngưỡng Hindu như văn hóa bản địa Champa.

Đây là hai hệ thống tôn giáo truyền thống của người Cham, có danh xưng, nghi lễ và cơ cấu thực hành riêng biệt, phản ánh rõ tính đa tầng và bản địa hóa của đời sống tôn giáo tại Champa.

Tổng kết: Mọi cách hiểu “Bani” như một tôn giáo độc lập là không chính xác về mặt lịch sử, ngôn ngữ và tôn giáo học. “Bani” chỉ nên được hiểu là thuật ngữ chỉ cộng đồng tín đồ Islam bản địa trong xã hội Cham. Trong khi đó, các danh xưng có giá trị lịch sử và học thuật như tôn giáo truyền thống là Agama Awal và Agama Ahier. Hai hệ thống tôn giáo truyền thống cùng tồn tại trong không gian văn hóa Champa và cùng hướng đến sự tôn thờ Allah trong những hình thức khác nhau.

Tài liệu tham khảo

1. Aymonier, Étienne. *Les Tchames et leurs religions*. Paris, 1891.
2. Cabaton, Antoine. *Les Chams*. Paris: Ernest Leroux, 1901.
3. Durrand, R. P. “Notes sur les Chams”. *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient* (BEFEO), 1903.
4. Lafont, Pierre-Bernard. *Le Campā*. Paris, 1981.
5. Nakamura, Rie. *Islam and Cultural Change among the Cham in Vietnam*. Kyoto, 2009.